

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2022

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Thừa Thiên Huế

Thực hiện Công văn số 188/SNV-CCHC ngày 24/02/2022 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo định kỳ cải cách hành chính (CCHC), UBND huyện báo cáo tình hình thực hiện công tác CCHC năm 2022 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Về kế hoạch CCHC

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/12/2021 về triển khai công tác CCHC năm 2022. Được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của các cấp, sự chủ động tham mưu của các cơ quan, đơn vị, địa phương, đến thời điểm hiện nay các nhiệm vụ trọng tâm thuộc 06 lĩnh vực của công tác CCHC đã được hoàn thành đảm bảo đúng tiến độ. UBND huyện đã hoàn thành việc tự chấm điểm chỉ số CCHC của huyện năm 2022 và đã trình Hội đồng thẩm định của tỉnh phê duyệt.

2. Văn bản đã ban hành chỉ đạo, điều hành triển khai công tác CCHC

UBND huyện đã ban hành nhiều văn bản để triển khai, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, kiểm tra và tuyên truyền công tác CCHC, cụ thể: Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 28/12/2021 về triển khai công tác CCHC giai đoạn 2021 - 2025 định hướng đến năm 2030; Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 30/12/2021 về đẩy mạnh CCHC gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 05/01/2022 về thực hiện CCHC gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn huyện năm 2022; Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 12/01/2022 về kiểm tra công tác CCHC năm 2022; Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 22/12/2021 về ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022; Kế hoạch số 195/KH-UBND ngày 31/12/2021 về tuyên truyền công tác CCHC năm 2022; Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 05/01/2022 về kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) năm 2022; Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 11/01/2022 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2022; Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 30/12/2021 về duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 năm 2022; Quyết

định số 2832/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 về phê duyệt đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 năm 2022; Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 15/12/2021 về kiểm tra VBQPPL năm 2022; Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 21/12/2021 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn huyện năm 2022...

Bên cạnh đó, UBND huyện đã tổ chức hội nghị triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, trong đó có triển khai các văn bản chỉ đạo điều hành trọng tâm trong công tác CCHC năm 2022; hội nghị chuyên đề tổng kết công tác CCHC năm 2021 và triển khai phương hướng nhiệm vụ năm 2022.

3. Về kiểm tra CCHC

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 12/01/2022 về kiểm tra công tác CCHC năm 2022, theo đó UBND huyện đã thành lập đoàn kiểm tra và tiến hành kiểm tra công tác CCHC đối với 04 xã và 04 phòng chuyên môn cấp huyện. Đồng thời, cũng đã ban hành Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 26/01/2022 về kiểm tra kỷ luật, kỷ cương, kỷ luật hành chính, văn hóa công sở năm 2022; Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 29/3/2022 của UBND huyện về kiểm tra việc thực hiện công tác kiểm soát TTHC và thực hiện ý kiến chỉ đạo năm 2022 trên địa bàn huyện đã được kiểm tra lồng ghép với kế hoạch kiểm tra CCHC.

4. Về công tác tuyên truyền CCHC

- UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 195/KH-UBND ngày 31/12/2021 về tuyên truyền công tác CCHC năm 2022 trên địa bàn huyện, UBND huyện đã thường xuyên chỉ đạo Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền, phổ biến về chương trình CCHC nhằm nâng cao nhận thức về CCHC cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác CCHC đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của huyện; phát hiện, nhân rộng các gương tiêu biểu, cách làm hay trong triển khai thực hiện công tác CCHC. Trong năm, đã thường xuyên tuyên truyền về nội dung kế hoạch và thể lệ Hội thi tìm hiểu công tác CCHC giai đoạn 2022 - 2025 trong cán bộ, công chức, viên chức để huy động lực lượng hưởng ứng tham gia dự thi vào đầu tháng 8 năm 2022. Trong năm 2022, đã tuyên truyền 144 tin, 22 bài trên hệ thống Đài truyền thanh huyện và 01 phóng sự trên truyền hình.

- Chỉ đạo Ban biên tập Trang thông tin điện tử huyện, Ban biên tập Trang thông tin các xã, thị trấn duy trì và nâng cao chất lượng các chuyên trang, chuyên mục CCHC, vận động sử dụng các kênh thông tin, truyền thông khác để

tuyên truyền công tác CCHC. Trang thông tin điện tử của UBND huyện và UBND các xã, thị trấn đã tăng cường việc cập nhật các tin, bài về các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước và các hoạt động nổi bật trong công tác CCHC của địa phương. Trong năm 2022, Trang thông tin điện tử của huyện đã đăng tải 384 tin, bài (tăng 161 tin bài so với năm 2021) và Trang thông tin điện tử của xã, thị trấn đã đăng tải hơn 835 tin bài về công tác tuyên truyền CCHC.

5. Kết quả thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao

Trong năm 2022 (từ 15/12/2021 đến 09/12/2022), UBND tỉnh giao cho UBND huyện 172 ý kiến chỉ đạo, kết quả UBND huyện đã hoàn thành 165/172 ý kiến chỉ đạo đúng hạn, đạt tỷ lệ 96%.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC NĂM 2022

1. Cải cách thể chế

- UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 21/12/2021 về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) trên địa bàn huyện Quảng Điền năm 2022; công tác xây dựng và ban hành VBQPPL của HĐND, UBND huyện và các xã, thị trấn trên địa bàn được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo đúng quy trình, thủ tục theo quy định của Luật ban hành VBQPPL ngày 22/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành VBQPPL ngày 18/06/2020 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ. Trong năm 2022, UBND và HĐND huyện đã ban hành 03 VBQPPL; HĐND các xã, thị trấn đã ban hành 18 VBQPPL.

- Ban hành Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 30/12/2021 về phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn huyện năm 2022, trong thời gian qua UBND huyện đã tổ chức tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật bằng nhiều hình thức như: tuyên truyền bằng hình ảnh trực quan, tuyên truyền qua hệ thống Đài truyền thanh, tổ chức hội nghị tuyên truyền về Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Nghị định 112/2020/NĐ-CP của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức và các văn bản mới liên quan đến xây dựng nông thôn mới nâng cao.

- Công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL tiếp tục được triển khai thực hiện nghiêm túc theo đúng tinh thần Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ. UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 10/02/2022 về rà soát, hệ thống hóa VBQPPL trên địa bàn huyện Quảng Điền năm 2022; Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 15/12/2021 về kiểm tra VBQPPL trên địa bàn huyện năm 2022. Trong năm, đã chỉ đạo Phòng Tư pháp phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành rà soát, thẩm định các VBQPPL do HĐND và UBND huyện ban hành; theo đó, đã kiểm tra 18 VBQPPL, rà soát 03

VBQPPL. Qua rà soát cho thấy, các văn bản được ban hành đều đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 05/01/2022 về kiểm soát TTHC năm 2022; Kế hoạch số 08/KH-UBND 11/01/2022 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2022, chỉ đạo Văn phòng HĐND và UBND huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tiến hành rà soát danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, chỉ đạo UBND các xã, thị trấn nghiêm túc tổ chức thực hiện các hoạt động rà soát, đơn giản hóa các TTHC. Đến nay, UBND huyện đã ban hành Báo cáo số 195/BC-UBND ngày 12/8/2022 về kết quả rà soát, đánh giá TTHC năm 2022.

- Chỉ đạo các xã, thị trấn, Ban biên tập Trang thông tin điện tử huyện niêm yết công khai các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, UBND huyện, UBND xã trên Trang thông tin điện tử của địa phương, niêm yết tại nơi giải quyết TTHC; đồng thời khuyến khích tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng khác; cập nhật, cấu hình điện tử các TTHC trên phần mềm xử lý dịch vụ công tập trung; chỉ đạo đảm bảo 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện, UBND xã được tiếp nhận, xử lý, trả kết quả thông qua phần mềm xử lý dịch vụ công tập trung, công khai đầy đủ các khoản phí, lệ phí, lập các biểu bảng, sổ theo dõi để cập nhật, bổ sung việc công khai các danh mục TTHC mới đảm bảo việc giải quyết TTHC theo quy định tại Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh. Trong năm 2022, Trung tâm Hành chính công huyện đã tiếp nhận 4063 thủ tục hành chính, trong đó giải quyết trước hạn, đúng hạn 3928 hồ sơ (chiếm tỷ lệ 96,67%); 100% hồ sơ đã được số hóa đầu vào và đầu ra; Trung tâm Hành chính công huyện và Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả hiện đại các xã, thị trấn đã thực hiện khá nghiêm túc việc khảo sát, lấy ý kiến mức độ hài lòng của người dân đối với việc giải quyết TTHC của cán bộ, công chức.

- Kịp thời củng cố, kiện toàn nhân sự, ban hành quy chế hoạt động của Trung tâm Hành chính công và Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả hiện đại cấp xã, từ đó đã đi vào hoạt động có nề nếp; đồng thời, từng bước trang cấp trang thiết bị đảm bảo sử dụng các phần mềm dùng chung của tỉnh để giải quyết TTHC cho tổ chức, công dân có hiệu quả. Bên cạnh đó, chế độ chính sách của cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Hành chính công huyện và Bộ phận TN&TKQ cấp xã đã được thực hiện đầy đủ theo Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 04/5/2017 của UBND tỉnh.

- Tiếp tục chỉ đạo UBND các xã, thị trấn, Trung tâm Hành chính công huyện thực hiện tốt Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/2/2008 của Chính

phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể: Trung tâm Hành chính công huyện và UBND các xã, thị trấn đã niêm yết công khai các thông tin về địa chỉ, email, số điện thoại của cơ quan tiếp nhận, xử lý phản ánh, khiếu nại trên Trang thông tin điện tử và nơi giải quyết TTHC để cá nhân, tổ chức kịp thời phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính. Trong năm 2022, UBND huyện không nhận được bất cứ phản ánh nào liên quan đến quy định hành chính.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Trong năm 2022, UBND huyện đã ban hành Quyết định về quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu, quyền hạn và tổ chức của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài chính - Kế hoạch; đang thực hiện các quy trình để ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu, quyền hạn và tổ chức của Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Văn hóa và Thông tin theo Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/19/2022 của Chính phủ; sửa đổi, bổ sung quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu, quyền hạn và tổ chức của Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp đề nghị cấp có thẩm quyền ban hành, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện, Ban Quản lý dự án, đầu tư xây dựng khu vực huyện.

- Công tác sắp xếp, tổ chức bộ máy được UBND huyện thực hiện theo quy định, đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Trong năm 2022, UBND huyện đã:

+ củng cố, kiện toàn nhân sự chức danh Phó Chủ tịch UBND huyện nhiệm kỳ 2021 - 2026; Chủ tịch UBND thị trấn Sịa; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND và Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã Quảng An; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã Quảng Thọ; miễn nhiệm Phó Chủ tịch UBND xã Quảng Ngạn.

+ Bổ nhiệm mới: 01 cấp trưởng, 03 cấp phó các phòng ban chuyên môn.

+ Bổ nhiệm lại: 01 cấp trưởng, 04 cấp phó các phòng ban chuyên môn, 08 hiệu trưởng, 13 hiệu phó các trường học.

+ Điều động bổ nhiệm: 03 cấp trưởng, 02 cấp phó các phòng ban chuyên môn, 01 hiệu trưởng, 06 hiệu phó các trường học.

+ Luân chuyển về cơ sở: Chủ tịch UBND thị trấn Sịa và Chủ tịch UBND xã Quảng An.

+ Kéo dài thời gian bổ nhiệm: 01 cấp trưởng phòng ban chuyên môn, 03 hiệu trưởng.

+ Cho thôi giữ chức vụ lãnh đạo quản lý 02 phó hiệu trưởng trường học.

- Việc thực hiện tinh giản biên chế luôn được UBND huyện quan tâm, từ đầu năm đến nay đã tinh giản được 06 cán bộ, công chức, viên chức; UBND

huyện đã xây dựng Đề án số 2090/ĐA-UBND ngày 30/8/2022 về tinh giản biên chế giai đoạn 2022 - 2025 đang trình UBND tỉnh phê duyệt.

- UBND huyện đã quyết định thành lập, củng cố, kiện toàn 136 Ban chỉ đạo, Hội đồng, Đoàn để triển khai thực hiện các chức năng, nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

- Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức đảm bảo theo chỉ tiêu biên chế được giao. Trong năm, UBND huyện tuyển dụng 18 viên chức sự nghiệp giáo dục (11 giáo viên mầm non, 06 giáo viên tiểu học, 01 giáo viên trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên); 01 công chức Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự xã Quảng Thái; sát hạch chuyển 01 cán bộ sang công chức. Đến thời điểm này, đang tiếp tục tham mưu UBND huyện thực hiện các quy trình tuyển dụng 04 viên chức sự nghiệp theo kế hoạch (xét tuyển vòng 02 vào ngày 19/12/2022).

4. Cải cách công vụ

- Tiếp tục quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn, ngay từ đầu năm, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 28/01/2022 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022. Trong năm, UBND huyện đã cử số lượng cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, cụ thể như sau: Bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo cấp phòng: 19; quản lý nhà nước: 47 (chuyên viên 23, chuyên viên chính 24); đào tạo Lý luận chính trị: 25 (cao cấp: 03, trung cấp: 22); tập huấn đại biểu HĐND cấp xã nhiệm kỳ 2021-2026: 279; bồi kiến thức quốc phòng an ninh đối tượng 4: 138; 02 công chức cấp xã tham gia lớp bồi dưỡng công tác Hộ tịch; 01 viên chức tham gia tập huấn khảo sát chính thức Chương trình đánh giá học sinh lớp 9, lớp 11 năm học 2021 - 2022; 01 công chức tham gia lớp đào tạo chuyên sâu bảo mật mạng 01; 04 công chức, viên chức tham gia hội thảo tập huấn; 03 công chức cấp xã tập huấn công tác văn thư; 03 viên chức tập huấn sử dụng sách giáo khoa lớp 7; 01 công chức tập huấn pháp lệnh ưu đãi người có công; 01 công chức tập huấn quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp; 01 công chức cấp huyện và 01 công chức cấp xã tập huấn nghiệp vụ chứng thực; 11 công chức cấp xã tập huấn công tác thanh niên; 26 cán bộ, công chức cấp huyện và cấp xã tập huấn chuyển đổi số.

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, chấp hành nghiêm giờ giấc làm việc, văn hóa công sở, nâng cao chất lượng giải quyết công việc đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng. Đã ban hành Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 26/01/2022 về kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở năm 2022 trên địa bàn huyện. Trong năm, đã tiến hành 04 đợt kiểm tra đột xuất đối với 10 cơ quan, đơn vị. Sau kiểm tra UBND huyện đã kịp thời chấn chỉnh tại các cuộc họp thường kỳ, đồng thời ban hành

Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 18/05/2022 về tiếp tục tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện nghiêm các quy định về văn hóa công sở, đạo đức công vụ; Công văn số 1625/UBND ngày 08/7/2022 về việc chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương và văn hóa công sở. UBND huyện đã ban hành Báo cáo số 283/BC-UBND ngày 09/11/2022 về kỷ luật kỷ cương hành chính năm 2022, Báo cáo số 310/BC-UBND ngày 25/11/2022 về thực hiện Đề án văn hóa công vụ năm 2022.

5. Cải cách tài chính công

- Tiếp tục thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại địa phương theo quy định. Đến nay tiến độ, thu ngân sách nhà nước của địa phương theo HĐND tỉnh giao được 267.329.162.228đ/87.400.000.000đ, đạt 305%; đã giải ngân vốn đầu tư công 102.100.000.000đ/125.009.000.000đ, đạt 81,6%.

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1966/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 về công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021; Thông báo số 203/TB-UBND ngày 02/12/2022 về quyết toán thu chi ngân sách năm 2021.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập: UBND huyện đã ban hành Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 về danh sách các cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính quyền số

- UBND huyện đã ban hành Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 30/12/2021 về đẩy mạnh CCHC gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 05/01/2022 về thực hiện CCHC gắn với chính quyền số, đô thị thông minh trên địa bàn huyện Quảng Điền năm 2022; Chương trình số 1354/CTTr ngày 02/6/2022 về chương trình tổng thể CCHC gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn huyện Quảng Điền giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 29/4/2022 về việc triển khai số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện giai đoạn 2022 - 2025.

- UBND huyện đã tổ chức triển khai thực hiện tốt, có hiệu quả họp trực tuyến với cấp trên và UBND cấp xã.

- Xây dựng mô hình Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh huyện trên cơ sở kế thừa, chia sẻ về hạ tầng và các dịch vụ đô thị thông minh của Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Thừa Thiên Huế (Trung tâm IOC tỉnh).

- UBND huyện tiếp tục chỉ đạo xã Quảng Thọ duy trì có hiệu quả Đề án triển khai thí điểm xây dựng mô hình “Xã thông minh”.

- UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện và hướng dẫn Nhân dân cài đặt các ứng dụng như ví điện tử trên Hue-S, VNeID, tạo tài khoản trên dịch vụ công Quốc gia... để góp phần xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính quyền số.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

- Các văn bản triển khai thực hiện phục vụ công tác chỉ đạo điều hành CCHC năm 2022 đã được các phòng ban chuyên môn chủ động tham mưu UBND huyện ban hành cơ bản đầy đủ và kịp thời theo quy định. Đồng thời, được ký số và ban hành luân chuyển trên môi trường mạng.

- UBND huyện đã phân công cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc tham mưu CCHC năm 2022 của huyện được cụ thể, rõ ràng. Các cơ quan được giao chủ trì tham mưu các lĩnh vực CCHC của huyện đã tích cực thực hiện các nhiệm vụ được phân công và hoàn thiện tài liệu kiểm chứng phục vụ chấm điểm CCHC năm 2022 của UBND huyện.

- Kịp thời chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế trong công tác tham mưu CCHC đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương; đồng thời biểu dương những tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ CCHC của địa phương.

2. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

2.1. Hạn chế, khuyết điểm

- Lãnh đạo một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa quan tâm đúng mức đối với công tác CCHC.

- Hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức vẫn còn tình trạng trễ hạn, nhất là lĩnh vực đất đai.

- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết mức độ 3, mức độ 4 vẫn chưa đạt yêu cầu đề ra.

- Việc hoàn thiện vị trí việc làm vẫn còn một số hạn chế; chất lượng một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đặc biệt là cấp xã, thiếu nguồn nhân lực về công nghệ thông tin; vẫn còn tình trạng cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật, chấp hành chưa nghiêm kỷ cương hành chính.

- Công tác bồi dưỡng các nghiệp vụ về công tác CCHC chưa được quan tâm đúng mức.

- Kinh phí đầu tư cho CCHC chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ.

2.2. Nguyên nhân

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức về CCHC chưa thật sự đầy đủ.

- Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương còn thiếu chặt chẽ.

- Công chức phụ trách công tác CCHC các đơn vị, địa phương đa số là kiêm nhiệm chưa được đào tạo bài bản.

- Các văn bản phục vụ chấm điểm chỉ số CCHC hàng năm có nhiều thay đổi nên khó khăn trong việc chủ động tham mưu của các cơ quan, đơn vị. Đồng thời, việc triển khai và thực hiện các tiêu chí về chấm điểm chỉ số CCHC nhiều và phức tạp đòi hỏi phải nghiên cứu sâu rộng để tham mưu được đảm bảo.

- Việc phối hợp với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh trong việc tổ chức triển khai, tập huấn các phần mềm dùng chung của tỉnh chủ yếu cho lãnh đạo và cán bộ, công chức liên quan đến công tác CCHC, trong khi đó đội ngũ cán bộ, công chức ở địa phương chưa được tập huấn các phần mềm còn nhiều, đặc biệt ở cấp xã.

- Nhiệm vụ CCHC ngày càng nhiều và phức tạp, trong khi đó việc chuyển giao nhiệm vụ CCHC cho cán bộ, công chức chưa có lộ trình; đồng thời, việc phân công nhiệm vụ CCHC ở một số đơn vị, địa phương chưa phù hợp với năng lực công tác của cán bộ, công chức.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2023

Để phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong việc triển khai thực hiện công tác CCHC, UBND huyện xác định một số nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2023 như sau:

1. Xây dựng kế hoạch CCHC năm 2023 kịp thời, theo định hướng của UBND tỉnh và phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của địa phương.

2. Tổ chức hội nghị tổng kết công tác CCHC năm 2022; triển khai phương hướng nhiệm vụ năm 2023. Xây dựng kế hoạch nâng cao chỉ số CCHC năm 2023 để khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC năm 2022.

3. Tiếp tục thực hiện các giải pháp đồng bộ để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra tại kế hoạch CCHC năm 2023. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền CCHC, nâng cao ý thức trách nhiệm, trình độ năng lực chuyên môn, thái độ ứng xử cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn.

4. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, rà soát, xây dựng và ban hành VBQPPL thuộc thẩm quyền được chặt chẽ, đảm bảo đúng quy trình, thủ tục theo quy định của Luật ban hành VBQPPL ngày 22/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành VBQPPL ngày 18/06/2020 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ.

5. Tiếp tục thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn. Rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy và kiện toàn tổ chức của các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp theo quy định tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đẩy mạnh việc thực hiện tinh giản theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị; triển khai thực hiện Đề án số 2090/ĐA-UBND ngày 30/8/2022 về tinh giản biên chế giai đoạn 2022 - 2025 khi được UBND tỉnh phê duyệt.

6. Thực hiện các giải pháp để thực hiện thu ngân sách địa phương đảm bảo theo kế hoạch HĐND tỉnh giao và giải ngân vốn đầu tư công đảm bảo đúng tiến độ. Tổ chức thực hiện công tác quyết toán ngân sách trên địa bàn theo quy định. Có giải pháp để kêu gọi thu hút đầu tư trên địa bàn huyện được hiệu quả.

7. Tiếp tục triển khai quy định về trách nhiệm công khai xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC; thực hiện tốt việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ; thực hiện nghiêm việc khảo sát mức độ hài lòng của người dân theo Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định khảo sát lấy ý kiến mức độ hài lòng trong giải quyết TTHC ở các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

8. Tiếp tục kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính nhằm kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý các trường hợp vi phạm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp.

9. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, khai thác sử dụng có hiệu quả các phần mềm dùng chung của UBND tỉnh; thực hiện có hiệu quả hoạt động của Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh, góp phần xây dựng chính quyền điện tử huyện Quảng Điền; tiếp tục chỉ đạo UBND xã Quảng Thọ thực hiện tốt việc thí điểm xây dựng “xã thông minh”.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh tiếp tục quan tâm hỗ trợ kinh phí để UBND cấp xã nâng cấp trang thiết bị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại nói riêng và phục vụ công tác CCHC nói chung.

2. Đề nghị Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh tiếp tục mở các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác CCHC, trong đó tập trung vào công tác tiếp nhận và giải quyết TTHC; rà soát, kiểm soát TTHC; triển khai ứng dụng các

phần mềm dùng chung của tỉnh; việc xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào giải quyết TTHC.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện công tác CCHC năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 của UBND huyện Quảng Điền./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành cấp huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ngọc Bảo

DANH SÁCH CÁC PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Báo cáo số:361 /BC-UBND ngày 12 /12/2022 của UBND huyện Quảng Điền)

Phụ lục 2

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	30	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	100	
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	47	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	43	4 nhiệm vụ không phát sinh
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1	Số phòng, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	04	
3.2	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	04	
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%		

4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%		
5.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao			
5.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	172	
5.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	165	
5.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	4	
5.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	3	
6.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
6.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
6.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
6.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
6.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
7.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
7.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	3161	
7.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	
8.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Phụ lục 3
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH THỂ CHẾ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản		
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	03	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	18	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	<i>Văn bản</i>		
2.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>		
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
3.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	<i>Văn bản</i>		
3.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>		

Phụ lục 4
BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thông kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	523	
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	393	
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	130	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	57	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	72	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục		
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	97,6	
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	8771	
3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	8562	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,3	

3.3.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	13907	
3.3.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	13812	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.4.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	0	
3.4.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>		

Phụ lục 5
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	11/11
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban		
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị		
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị		
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	50	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	10	Năm 2015: 55
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	112	(78 CC, 29 VCHC, 05 HĐ68)
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	101	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	05	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	00	

2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	10,25	Năm 2015: 86 Năm 2022: 78
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	1487	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1441	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	00	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	5,44	Năm 2015: 1568 Năm 2022: 1487

Phụ lục 6
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	11/11	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	50/50	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	00	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	02	cấp xã
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	00	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	00	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	18	SNGD
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	00	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	00	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)		00	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	00	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	00	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	00	

Phụ lục 7
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG

<i>STT</i>	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	81,6	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	125.009	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	102.100	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	50	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	1	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	49	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		

Phụ lục 8

**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%		
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%		
5.2.1	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%		

5.2.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	100	
5.2.3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		
6.1.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	177 cấp huyện; 31 cấp xã	
6.1.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	177 cấp huyện; 31 cấp xã	
6.1.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	177 cấp huyện; 31 cấp xã	
6.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%		
6.2.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	135 cấp huyện; 70 cấp xã	
6.2.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	135 cấp huyện; 70 cấp xã	
6.2.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	112 cấp huyện; 70 cấp xã	
6.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	

6.3.1.	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương</i>	<i>Thủ tục</i>	318	
6.3.2.	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	318	
6.4.	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)</i>	%	36	
6.4.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	1950	
6.4.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	702	
6.5.	<i>Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến</i>	%		
6.5.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	137	
6.5.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	137	